

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về điều kiện, quy trình, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Thỏa thuận vay nước ngoài” là các hiệp định, hợp đồng, thỏa thuận vay vốn ký kết nhân danh Nhà nước, Chính phủ hoặc do Bộ Tài chính ký kết theo quy định của pháp luật với bên cho vay nước ngoài.

2. “Thỏa thuận cho vay lại” là hợp đồng cho vay lại hoặc hiệp định vay phụ ký giữa Bộ Tài chính hoặc cơ quan cho vay lại với người vay lại về việc cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

3. “Hợp đồng ủy quyền cho vay lại” là thỏa thuận ký giữa Bộ Tài chính với cơ quan cho vay lại (trường hợp Bộ Tài chính không phải là cơ quan cho vay lại) để ủy quyền cho cơ quan cho vay lại thay mặt Bộ Tài chính quản lý việc sử dụng vốn của người vay lại, thu hồi vốn vay lại (bao gồm cả gốc, lãi, phí) để hoàn trả cho ngân sách nhà nước.

4. “Tỷ giá hạch toán” là tỷ giá do Bộ Tài chính công bố dùng để hạch toán kế toán và báo cáo các khoản thu, chi bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước.

5. “Lãi suất thương mại tham chiếu - Commercial Interest Reference Rate (CIRR)” là lãi suất thương mại tham chiếu do Tổ chức hợp tác kinh tế phát triển (OECD) công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của tổ chức này (www.oecd.org).

6. “Phí” là các khoản phí mà người vay lại phải trả ngoài lãi suất cho vay lại cho cơ quan cho vay lại, cho bên cho vay nước ngoài và cho ngân hàng phục vụ.

7. “Thời gian ân hạn” là khoảng thời gian bắt đầu từ ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài hoặc thỏa thuận cho vay lại cho đến ngày trả nợ gốc đầu tiên theo quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài hoặc thỏa thuận cho vay lại.

Chương II

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHO VAY LẠI

Điều 3. Trị giá cho vay lại

1. Trị giá cho vay lại ghi trong thỏa thuận cho vay lại được xác định trên cơ sở trị giá thỏa thuận vay nước ngoài cho mỗi chương trình, dự án. Trong trường hợp thỏa thuận vay nước ngoài ký cho nhiều dự án nhưng không quy định mức phân bổ cho từng chương trình, dự án thì trị giá cho vay lại được xác định căn cứ vào quyết định phân bổ vốn vay của Chính phủ.

2. Trị giá nhận nợ thực tế là trị giá được lũy kế theo từng lần rút vốn.

Điều 4. Đồng tiền cho vay lại

1. Cho vay lại vốn vay ODA: người vay lại có thể lựa chọn đồng tiền vay lại là Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ gốc vay nước ngoài tùy theo yêu cầu sử dụng

vốn vay và khả năng trả nợ. Người vay lại không được chuyển đổi đồng tiền vay lại sau khi đã ký thỏa thuận cho vay lại. Tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ sang Đồng Việt Nam trong trường hợp nhận vay lại bằng Đồng Việt Nam được xác định như sau:

a) Trường hợp rút vốn vay nước ngoài bằng ngoại tệ sau đó bán thu tiền Đồng Việt Nam, tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ vào thời điểm rút vốn vay nước ngoài;

b) Trường hợp rút vốn vay nước ngoài bằng ngoại tệ theo hình thức tài khoản đặc biệt, tài khoản tạm ứng sử dụng cho một chương trình, dự án, tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ vào thời điểm rút vốn vay nước ngoài;

c) Trường hợp rút vốn vay nước ngoài bằng ngoại tệ theo hình thức tài khoản đặc biệt, tài khoản tạm ứng cho nhiều chương trình, dự án sử dụng chung một tài khoản, tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ vào thời điểm rút tiền từ tài khoản;

d) Trường hợp rút vốn vay nước ngoài bằng ngoại tệ để thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp, tỷ giá quy đổi là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố vào thời điểm rút vốn vay nước ngoài.

2. Cho vay lại vốn vay thương mại, vay ưu đãi nước ngoài: người vay lại nhận nợ bằng ngoại tệ gốc vay nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) vay lại (áp dụng với mọi loại nguồn vốn): đồng tiền cho vay lại là ngoại tệ gốc vay nước ngoài.

Điều 5. Đồng tiền thu hồi nợ

1. Cho vay lại vốn vay ODA: đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền cho vay lại. Trường hợp người vay lại nhận nợ bằng ngoại tệ và trả bằng Đồng Việt Nam, cơ quan cho vay lại áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định vào thời điểm trả nợ hoặc tỷ giá do cơ quan cho vay lại thỏa thuận với người vay lại quy định tại thỏa thuận cho vay lại để thu hồi nợ.

2. Cho vay lại vốn vay thương mại và vay ưu đãi: đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền cho vay lại. Trường hợp người vay lại nhận nợ bằng ngoại tệ và trả bằng Đồng Việt Nam, cơ quan cho vay lại áp dụng tỷ giá bán ra đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ hoặc của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam trong trường hợp không có tỷ giá tương ứng của ngân hàng phục vụ vào thời điểm trả nợ để thu hồi nợ.

Điều 6. Ngày nhận nợ

1. Đối với các khoản rút vốn thực hiện theo hình thức thư tín dụng (L/C), thanh toán trực tiếp, hoàn trả: ngày người vay lại nhận nợ với cơ quan cho vay lại là ngày rút vốn theo thông báo của bên cho vay nước ngoài.

2. Đối với các khoản rút vốn thực hiện theo hình thức tài khoản đặc biệt, tài khoản tạm ứng:

a) Trường hợp có nhiều dự án, chương trình thuộc cùng thỏa thuận vay nước ngoài và cùng sử dụng một tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng, ngày người vay lại nhận nợ với cơ quan cho vay lại là ngày rút vốn từ tài khoản này cho từng chương trình, dự án. Lãi phát sinh từ ngày rút vốn vay nước ngoài về tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng đến ngày rút vốn từ tài khoản này cho từng chương trình, dự án sẽ do ngân sách nhà nước thanh toán cho bên cho vay nước ngoài theo quy định của thỏa thuận vay nước ngoài;

b) Trường hợp thỏa thuận vay nước ngoài chỉ cho một chương trình, dự án và sử dụng một tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng, ngày người vay lại nhận nợ với cơ quan cho vay lại là ngày bên cho vay nước ngoài chuyển vốn vào tài khoản này.

3. Căn cứ thông báo giải ngân của bên cho vay hoặc chứng từ thanh toán từ tài khoản đặc biệt, tài khoản tạm ứng, Bộ Tài chính thông báo hoặc lập thông tri ghi thu ghi chi cho cơ quan cho vay lại trị giá giải ngân theo ngày giải ngân, cho từng chương trình, dự án.

4. Căn cứ thông báo hoặc thông tri ghi thu ghi chi của Bộ Tài chính, cơ quan cho vay lại có trách nhiệm thông báo cho người vay lại để nhận nợ. Trường hợp người vay lại không đồng ý với số liệu thông báo hoặc ghi thu ghi chi của Bộ Tài chính, cơ quan cho vay lại báo cáo ngay cho Bộ Tài chính để xử lý.

Điều 7. Lãi suất cho vay lại

1. Cho vay lại vốn vay thương mại, vay ưu đãi: lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài.

2. Cho vay lại vốn vay ODA

a) Cho vay lại bằng ngoại tệ

Trường hợp vay lại bằng ngoại tệ gốc vay nước ngoài, lãi suất cho vay lại bằng 2/3 (hai phần ba) lãi suất thương mại tham chiếu tương ứng với thời hạn cho vay lại tại thời điểm xác định điều kiện cho vay lại. Trường hợp mức 2/3 lãi suất thương mại tham chiếu nêu trên thấp hơn lãi suất vay nước ngoài, lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài.

Trường hợp cho vay lại bằng ngoại tệ không có lãi suất thương mại tham chiếu, lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài;

b) Cho vay lại bằng Đồng Việt Nam:

Lãi suất cho vay lại được xác định bằng lãi suất cho vay bằng ngoại tệ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này cộng với tỷ lệ rủi ro tỷ giá giữa ngoại tệ và Đồng Việt Nam. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính toán và công bố mức rủi ro tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và 3 loại ngoại tệ chính là đồng USD, EURO và JPY. Trường hợp thị trường ngoại hối có biến động lớn, Bộ Tài chính có thể công bố lại mức rủi ro tỷ giá ngay trong kỳ áp dụng. Trường hợp ngoại tệ gốc trong Hiệp định vay khác với ba loại ngoại tệ này, mức rủi ro tỷ giá áp dụng là mức rủi ro tỷ giá của đồng USD;

c) Một số ngành, lĩnh vực được hưởng lãi suất ưu đãi theo mức bằng 30% mức lãi suất cho vay lại bằng ngoại tệ hoặc Đồng Việt Nam tương ứng, nhưng không thấp hơn lãi suất vay nước ngoài.

Danh mục ngành, lĩnh vực được hưởng mức lãi suất ưu đãi do Thủ tướng Chính phủ quy định. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực được hưởng mức lãi suất ưu đãi.

3. Cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại: lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài.

Điều 8. Số ngày tính lãi

1. Cho vay lại vốn vay thương mại và vay ưu đãi: số ngày tính lãi cho vay lại và lãi chậm trả được tính theo quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

2. Cho vay lại vốn vay ODA: số ngày tính lãi cho vay lại và lãi chậm trả được tính trên số ngày thực tế sử dụng vốn và trên cơ sở một năm có 360 ngày.

Điều 9. Lãi chậm trả

Trường hợp không trả nợ đúng hạn bất kỳ khoản nợ nào bao gồm gốc, lãi, phí và các chi phí liên quan khác, người vay lại phải trả lãi chậm trả theo mức cao hơn trong hai mức sau: lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay lại quy định tại thỏa thuận cho vay lại và mức lãi suất chậm trả quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

Điều 10. Các loại phí

Người vay lại phải trả các loại phí sau:

1. Phí cho vay lại: